

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC I - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111 /2026/HS-ST

Ngày: 26/5/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Cúc

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Thảo

Ông Nguyễn Xuân Tùng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Tạ Bảo Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Bích Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 73/2026/TLST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

- **NGUYỄN VĂN L**, tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 02/6/2003, tại thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khối phố N, phường A, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam. Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L1 (c) và bà Trần Thị Ánh T (s). Gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ 01.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/12/2025. Có mặt tại phiên tòa.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Kiều Thị T1, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Tổ A khối A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm: 1999. Địa chỉ: Khu phố N, phường A, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 18/12/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên Nguyễn Văn L liên hệ qua mạng xã hội Signal với một đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua 01 gói ma túy loại ketamine, 05 viên thuốc lắc với số tiền 4.000.000 đồng, giao nhận ma túy tại khu vực chợ V, thành phố Đà Nẵng và thanh toán tiền mặt.

Sau khi có ma túy, L cất giấu trong người với mục đích sử dụng. Đến khoảng 22 giờ 20 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SH125, màu đỏ, biển kiểm soát 92C1-325.67 đi từ khu vực chợ V ra trung tâm thành phố Đà Nẵng để xem đá bóng và rủ các bạn bè ngoài xã hội sử dụng ma túy cùng, khi đi đến trước số nhà A đường C, phường H, thành phố Đà Nẵng thì bị tổ công tác phường H phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ trong túi quần trước bên trái của L có một khẩu trang màu đen được cuộn tròn, bên trong có chứa 01 (một) gói nilon màu trắng, kích thước (3x3,3) cm, bên trong có chứa các chất tinh thể rắn màu trắng và 01 (một) gói nilon màu trắng, kích thước (3,5x4) cm, bên trong có chứa 05 (năm) viên nén màu xanh.

- 01 (một) điện thoại di động, kiểu máy RNX3710, màu đen, gắn sim số 0819956997.

- 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125, màu đỏ đen, biển kiểm soát 92C1-32567, số khung: 7313KY003303, số máy: JF74E0044602, dung tích 125cm³. (bút lục số: 22-24)

Theo Kết luận giám định số: 1521/KL-KTHS ngày 26.12.2025 của Phòng K Công an thành phố Đ, kết luận:

- Tinh thể rắn màu trắng trong ký hiệu L1 gửi giám định đều là ma túy, loại Ketamine; khối lượng tinh thể rắn của mẫu L1: 1,269gam.

- 05 viên nén màu xanh trong mẫu ký hiệu L2 gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine; khối lượng 05 viên nén của mẫu L2: 2,613 gam. (bút lục số: 3,982gam)

Như vậy tổng khối lượng ma túy Methamphetamine, MAMD, Ketamine mà L tàng trữ là 3,982gam.

Xử lý vật chứng:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH125 nêu trên do bà Kiều Thị T1 (sinh năm: 1978; HKTT: Tổ A, khối A, phường H, thành phố Đà Nẵng) đứng tên ký và là chủ sở hữu. Ngày 17.12.2025 bà T1 cho Nguyễn Văn T3 (sinh năm: 1999; HKTT: Khối phố N, phường A, thành phố Đà Nẵng) mượn để đi công việc và T3 đưa xe cho L mượn. Bà T1, ông T3 không biết việc L sử dụng xe để đi sử dụng ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ tiến hành trả lại xe cho bà T1 là có căn cứ (bút lục số: 49-58)

- Toàn bộ ma túy hoàn trả sau giám định và các vật chứng nêu trên được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Đà Nẵng để bảo quản trong giai đoạn xét xử và thi hành án.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 26/03/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố nhà nước giữ nguyên quan điểm đã truy tố, đề nghị HĐXX căn cứ vào tính chất vụ án, nhân thân, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đề nghị:

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L: Áp dụng Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đề nghị xử phạt Nguyễn Văn L từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 6 (sáu) tháng tù.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy niêm phong KTHS dán kín, kí hiệu L, bên trong bì niêm phong có 01 gói ni lông chứa 1,247 gam mẫu L1, 01 gói ni lông chứa 1,991 gam mẫu L2 và toàn bộ gói bao mẫu hoàn trả theo Kết luận giám định số: 1521/KL-KTHS ngày 26.12.2025 của Phòng K Công an thành phố Đ.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 1 – thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/05/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Thi hành án dân sự khu vực 1 – thành phố Đà Nẵng).

Quá trình điều tra tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L cũng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát khu vực 1, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 18/12.2025, tại trước số nhà A đường C, phường H, thành phố Đà Nẵng, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ bắt quả tang Nguyễn Văn L đang tàng trữ 3,982 gam ma túy Methamphetamine, MAMD, Ketamine nhằm mục đích để tàng trữ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:*

Xét tính chất vụ án, vai trò, mức độ phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi của bị cáo có tính chất nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sự độc quyền trong việc quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo đủ khả năng nhận thức được việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy đang là tệ nạn của xã hội, là nguyên nhân của các tội phạm khác gây mất an ninh trật tự, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, nhưng các bị cáo vẫn phạm tội.

[4] *Xét về những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo thì thấy:*

- Về tình tiết tăng nặng: Không có

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Do đó cần

áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

- Công an thành phố Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn L về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng trong vụ án, cụ thể như sau:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bì giấy niêm phong KTHS dán kín, kí hiệu L, bên trong bì niêm phong có 01 gói ni lông chứa 1,247 gam mẫu L1, 01 gói ni lông chứa 1,991 gam mẫu L2 và toàn bộ gói bao mẫu hoàn trả theo Kết luận giám định số: 1521/KL-KTHS ngày 26.12.2025 của Phòng K Công an thành phố Đ.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 1 – thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/05/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Thi hành án dân sự khu vực 1 – thành phố Đà Nẵng).

[6] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 4 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 19/12/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 bì giấy niêm phong KTHS dán kín, kí hiệu L, bên trong bì niêm phong có 01 gói ni lông chứa 1,247 gam mẫu L1, 01 gói ni lông chứa 1,991 gam mẫu L2 và toàn bộ gói bao mẫu hoàn trả theo Kết luận giám định số: 1521/KL-KTHS ngày 26.12.2025 của Phòng K Công an thành phố Đ.

(Toàn bộ vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự khu vực 1 – thành phố Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/05/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ và Thi hành án dân sự khu vực 1 – thành phố Đà Nẵng).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/5/2026). Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:

- VKSND KV 1 – Đà Nẵng;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND TP Đà Nẵng;
- Phân viện KHHS TPĐN;
- Phòng THADS KV 1 – TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Minh C